

Phụ lục

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC CÁC CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT; NGÀY HỘI GIAO LƯU, LIÊN HOAN VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH PHỤC VỤ ĐỒNG BÀO ĐANG SINH SỐNG TẠI VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, TẠI XÃ ĐẢO, ĐẶC KHU

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

I. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC CÁC CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA NGHỆ THUẬT PHỤC VỤ ĐỒNG BÀO ĐANG SINH SỐNG TẠI VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, TẠI XÃ ĐẢO, ĐẶC KHU

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức chương trình văn hóa nghệ thuật phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu thực hiện theo định mức về tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ; hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng; tuyên truyền lưu động; cổ động trực quan phục vụ nhiệm vụ chính trị; mức hao phí nhân công được điều chỉnh bằng hệ số $k = 1,5/$.

II. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC NGÀY HỘI GIAO LƯU, LIÊN HOAN VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH PHỤC VỤ ĐỒNG BÀO ĐANG SINH SỐNG TẠI VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, TẠI XÃ ĐẢO, ĐẶC KHU

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức khai mạc, bế mạc ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu

a) Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng viên chức tham gia
1	Khảo sát địa điểm tổ chức; làm việc với địa phương đăng cai về công tác chuẩn bị, phối hợp tổ chức	Hạng IV, III, II và tương đương (tính theo thời gian thực tế)
2	Xây dựng, ban hành hệ thống văn bản phục vụ tổ chức, gồm: công văn đề nghị đăng cai và các địa phương tham gia; quyết định, kế hoạch tổ chức; quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức; Hội đồng nghệ thuật, Ban Giám khảo, Ban Trọng tài; quy chế, thể lệ, cơ cấu giải thưởng; thông cáo báo chí; dự toán kinh phí và các văn bản liên quan	Hạng IV, III, II và tương đương.
3	Tổ chức các cuộc họp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và chuyên môn, gồm: họp Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Hội đồng nghệ thuật, Ban Giám khảo, Ban Trọng tài, Tổ Thư ký, Tổ giúp việc; họp Ban Tổ chức với trưởng các đoàn tham gia	Hạng IV, III, II và tương đương.
4	Tổ chức họp báo phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền	Hạng IV, III, II và tương đương.
5	Xây dựng nội dung tổng thể chương trình khai mạc, bế mạc	Hạng IV, III, II và tương đương.
6	Xây dựng nội dung truyền thông phục vụ chương trình	Hạng IV, III, II và tương đương.
7	Xây dựng nội dung và tổ chức duyệt thiết kế maket phục vụ chương trình	Hạng IV, III, II và tương đương.
8	Sản xuất, xây dựng clip minh họa, âm nhạc và nội dung kỹ thuật phục vụ âm thanh, ánh sáng, tạo hiệu ứng trình diễn cho các tiết mục khai mạc, bế mạc, công nghệ kỹ thuật số	Hạng IV, III, II và tương đương. (tính theo thời gian thực tế)
9	Tổ chức tập luyện phục vụ chương trình khai mạc, bế mạc (bao gồm tập luyện, sơ duyệt, tổng duyệt, diễn diễn nghệ thuật, biểu diễn)	Hạng IV, III, II và tương đương.

10	Tổ chức thực hiện lễ khai mạc	Hạng IV, III, II và tương đương.
11	Tổ chức lễ tổng kết, bế mạc, khen thưởng và trao giải	Hạng IV, III, II và tương đương.
12	Đánh giá và tổng hợp báo cáo sau khi tổ chức các hoạt động (Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức)	Hạng IV, III, II và tương đương.

b) Bảng định mức

ĐVT: 01 Ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Viên chức hạng IV và tương đương	Công	2
	Viên chức hạng III và tương đương	Công	5
	Viên chức hạng II và tương đương	Công	5,6125
	Tập luyện, sơ duyệt, tổng duyệt, biểu diễn: Viên chức hạng IV, III, II và tương đương - Hạng IV: 08 công - Hạng III: 08 công - Hạng II: 04 công (9.600 phút/người x 1.000 người)	Công	20.000
	Lao động gián tiếp	Công	3001,89375
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
	Máy tính để bàn có kết nối internet	Ca	0,01781
	Máy tính xách tay có kết nối internet	Ca	0,01781
	Máy quay camera	Ca	0,00027
	Máy ảnh	Ca	0,00027
	Máy ghi âm	Ca	0,00027
	Máy in laser A4	Ca	0,01781
3	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	4.680
	Mực in	Hộp	3,12
	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

a) Định mức áp dụng đối với 01 Ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch có thời lượng tổ chức lễ khai mạc và bế mạc là 120 phút mỗi

chương trình, với quy mô 1.500 người. Trường hợp tăng/giảm quy mô, định mức được tính theo bước số nhảy, mỗi 30 phút và 150 người tăng/giảm thì tính 10% tổng định mức.

b) Tổng thời gian tổ chức tập luyện, sơ duyệt, tổng duyệt và tổ chức thực hiện tại lễ khai mạc và bế mạc là 9.600 phút, được xác định trên cơ sở 20 ngày $\times$ 8 giờ/ngày $\times$ 60 phút/giờ và 1.000 người. Trường hợp tăng/giảm theo quy mô, định mức được tính theo bước số nhảy, mỗi 480 phút (01 ngày) và 100 người thì tính tăng/giảm 5% tổng định mức.

c) Đối với nội dung công việc tại số thứ tự 1 và 8 tính theo thực tế.

d) Công tác phí thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

đ) Công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền trước, trong và sau ngày hội giao lưu, liên hoan được thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

e) Định mức quy định tại Điều này chưa bao gồm các khoản chi sau đây: Chi phí thuê địa điểm, mặt bằng tổ chức và các điều kiện bảo đảm phục vụ hoạt động biểu diễn, gồm: điện, nước, thông tin liên lạc, an ninh, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường, y tế và các dịch vụ liên quan khác. Chi phí thuê sáng tác, xây dựng kịch bản; tổng đạo diễn, trợ lý đạo diễn, biên đạo; người dẫn chương trình; diễn viên, nghệ sĩ chuyên nghiệp; người nổi tiếng; nghệ nhân, người dân tộc thiểu số tham gia biểu diễn; phiên dịch và các thành phần tham gia khác theo yêu cầu của chương trình. Chi phí sản xuất các sản phẩm phục vụ biểu diễn, gồm: xây dựng, sản xuất và dựng clip minh họa; sản xuất âm nhạc; thực hiện kỹ thuật âm thanh, ánh sáng; tạo hiệu ứng kỹ thuật, hiệu ứng 3D và các yếu tố kỹ thuật phục vụ chương trình. Chi phí thuê trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ tổ chức chương trình, gồm: hệ thống âm thanh, ánh sáng, sân khấu, màn hình LED, hệ thống khung không gian; thiết bị và giải pháp công nghệ kỹ thuật số; hệ thống tạo hiệu ứng như máy phun khói, quạt điều hướng khói, hệ thống pháo điện và các thiết bị kỹ thuật khác. Chi phí thuê, lắp dựng không gian trưng bày, giới thiệu, gồm: nhà triển lãm, nhà bạt, khung định hình, giá trưng bày, khung tác phẩm và các cấu kiện phục vụ trưng bày. Chi phí thuê, chuẩn bị các hạng mục phục vụ tổ chức chương trình, gồm: dù che, hoa tươi, bàn, ghế, bục phát biểu, thảm trải sàn sân khấu, in giấy chứng nhận và các trang

thiết bị, dịch vụ liên quan khác phục vụ tập luyện, hợp luyện, sơ duyệt, tổng duyệt, khai mạc, bế mạc, trao giải, diễn diễn, trình diễn nghệ thuật và các hoạt động liên quan. Chi phí thiết kế, in ấn và trang trí tuyên truyền phục vụ chương trình, gồm: thiết kế maket; in pano, băng rôn, phong sơn khấu; trang phục, đạo cụ; các thiết bị chuyên dụng và các nội dung cần thiết khác phục vụ tổ chức chương trình theo yêu cầu thực tế.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ quần chúng trong khuôn khổ ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu

2.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức liên hoan văn nghệ quần chúng; tổ chức, biểu diễn chương trình văn hóa nghệ thuật của các đoàn

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức các hoạt động nêu trên được áp dụng theo định mức tổ chức hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ quần chúng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BVHTTDL; trường hợp tổ chức phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại cơ sở, mức hao phí nhân công được điều chỉnh bằng hệ số $k = 1,5$ nhằm bảo đảm phù hợp với điều kiện địa bàn, quy mô phân tán, đặc thù văn hóa và yêu cầu tổ chức thực tế.

2.2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức trình diễn trang phục dân tộc truyền thống

a) Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng viên chức tham gia
I	Công tác chuẩn bị	
1	Khảo sát địa điểm tổ chức; làm việc với địa phương, cộng đồng dân cư; lựa chọn dân tộc, loại hình trang phục truyền thống (lễ hội, sinh hoạt, cưới hỏi, lao động...) để trình diễn	Hạng IV, III, II và tương đương (tính theo thời gian thực tế)
2	Xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức; quyết định thành lập các đoàn tham gia, Hội đồng nghệ thuật, Ban Giám khảo; xây dựng quy chế, thể lệ, cơ cấu giải thưởng; lập dự toán kinh phí và các văn bản liên quan; xây dựng kịch bản trình diễn trang phục; phương án sắp xếp đội hình, lộ trình di chuyển, thời lượng trình diễn; nội dung thuyết minh phù hợp phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa dân tộc	Hạng IV, III, II và tương đương.
3	Lập danh sách người tham gia trình diễn (bao gồm nghệ nhân, người dân, diễn viên quần chúng); thống nhất thời lượng trình diễn và phương án tập luyện	Hạng IV, III, II và tương đương.
4	Chuẩn bị trang phục, phụ kiện trình diễn (mũ,	Hạng IV, III, II và

	khăn, trang sức, đạo cụ...), viết kịch bản, thuyết minh về trang phục	tương đương.
5	Tập luyện và sơ duyệt	Hạng IV, III, II và tương đương.
II	Công tác tổ chức thực hiện	
6	Tổ chức trình diễn trang phục dân tộc truyền thống theo kịch bản (diễn hành, trình diễn sân khấu, trình diễn không gian mở...)	Hạng IV, III, II và tương đương.
7	Thuyết minh, giới thiệu ý nghĩa, nguồn gốc, chất liệu, hoa văn, kỹ thuật tạo tác trang phục; giao lưu với cộng đồng, khách tham quan	Hạng IV, III, II và tương đương.
III	Tổng kết và trao giải	
8	Đánh giá kết quả, trao giải; tổng hợp báo cáo, nghiệm thu hoạt động trình diễn trang phục dân tộc truyền thống	Hạng IV, III, II và tương đương.

b) Bảng định mức

ĐVT: 01 hoạt động trình diễn trang phục dân tộc truyền thống

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Viên chức hạng III và tương đương	Công	2,8125
	Viên chức hạng II và tương đương	Công	3,125
	Tập luyện, sơ duyệt, tổ chức trình diễn: Viên chức hạng IV, III, II và tương đương - Hạng IV: 0.5 công - Hạng III: 1.5 công - Hạng II: 0,0625 công (2.910 phút/người x 20 người)	Công	121,25
	Lao động gián tiếp	Công	19,07813
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
	Máy tính để bàn có kết nối internet	Ca	0,00658
	Máy tính xách tay có kết nối internet	Ca	0,00658
	Máy quay camera	Ca	0,00003
	Máy ảnh	Ca	0,00003
	Máy in laser A4	Ca	0,00658
3	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	52
	Mực in	Hộp	0,03467
	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

a) Định mức này áp dụng đối với 01 hoạt động tổ chức trình diễn trang phục dân tộc truyền thống được tổ chức độc lập hoặc trong khuôn khổ ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu có thời gian tổ chức trình diễn là 25 phút. Trường hợp tăng/giảm thời gian, định mức được tính theo bước số nhảy, mỗi 05 phút tăng/giảm thì tính 10% tổng định mức.

b) Tổng thời gian tổ chức tập luyện, sơ duyệt và tổ chức thực hiện trình diễn trang phục dân tộc truyền thống là 2.910 phút, được xác định trên cơ sở $6,0625 \text{ ngày} \times 8 \text{ giờ/ngày} \times 60 \text{ phút/giờ}$ và 20 người thực hiện trình diễn. Trường hợp tăng/giảm theo quy mô, định mức được tính theo bước số nhảy, mỗi 240 phút và 02 người thực hiện trình diễn thì tính tăng/giảm 5% tổng định mức.

c) Đối với nội dung công việc tại số thứ tự 1 tính theo thực tế.

d) Công tác phí thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

đ) Chi phí hỗ trợ trực tiếp cho nghệ nhân và người thực hành (bao gồm Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành tham gia tập luyện, trình diễn, giới thiệu trang phục truyền thống trong các chương trình, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa) được thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa và các quy định pháp luật có liên quan hiện hành.

e) Định mức này chưa bao gồm: chi phí mua/thuê trang phục, trang sức dân tộc truyền thống; chi phí thuê địa điểm, mặt bằng; chi phí điện, nước, vệ sinh môi trường, an ninh, y tế; chi phí thuê trang thiết bị chuyên dụng phục vụ tổ chức và các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tổ chức trình diễn trang phục dân tộc truyền thống.

2.3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức trình diễn nghệ thủ công truyền thống

a) Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng tham gia
I	Công tác chuẩn bị	
1	Khảo sát địa điểm tổ chức; làm việc với địa phương, cộng đồng dân cư; lựa chọn nghệ thủ công truyền thống và nghệ nhân tham gia trình diễn	Hạng IV, III, II và tương đương. (tính theo thời gian thực tế)
2	Xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức; thành lập Hội đồng nghệ thuật, Ban Giám khảo; xây dựng quy chế, thể lệ, cơ cấu giải thưởng; lập dự toán kinh phí và các văn bản liên quan; kịch bản trình diễn nghệ thủ công; nội dung thuyết minh phù hợp phong	Hạng IV, III, II và tương đương.

	tục, tập quán, bản sắc văn hóa dân tộc	
3	Lập danh sách nghệ nhân; thống nhất thời gian, thời lượng trình diễn; phương án bố trí không gian trình diễn	Hạng IV, III, II và tương đương.
4	Chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu, sản phẩm trưng bày; không gian, bàn thao tác phục vụ trình diễn nghệ	Hạng IV, III, II và tương đương.
II	Công tác tổ chức thực hiện	
5	Tổ chức trình diễn nghệ thủ công truyền thống (dệt, đan lát, gốm, mộc, rèn, chạm khắc, thêu, may trang phục truyền thống...)	Hạng IV, III, II và tương đương.
6	Thuyết minh, giới thiệu quy trình nghệ; giao lưu giữa nghệ nhân với cộng đồng, khách tham quan	Hạng IV, III, II và tương đương.
7	Điều hành hoạt động trình diễn; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy (nếu có)	Hạng IV, III, II và tương đương.
III	Tổng kết và trao giải	
8	Đánh giá kết quả, trao giải; tổng hợp báo cáo, nghiệm thu hoạt động trình diễn nghệ thủ công truyền thống	Hạng IV, III, II và tương đương.

b) Bảng định mức

ĐVT: 01 hoạt động trình diễn nghệ thủ công truyền thống

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Viên chức hạng III và tương đương	Công	14,25
	Viên chức hạng II và tương đương	Công	2,5
	Lao động gián tiếp	Công	2,5125
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
	Máy tính để bàn có kết nối internet	Ca	0,00918
	Máy tính xách tay có kết nối internet	Ca	0,00918
	Máy quay camera	Ca	0,00164
	Máy ảnh	Ca	0,00164
	Máy in laser A4	Ca	0,00918
3	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	72
	Mực in	Hộp	0,048
	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

a) Định mức này áp dụng đối với 01 hoạt động tổ chức trình diễn nghề thủ công truyền thống được tổ chức độc lập hoặc trong khuôn khổ ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu có thời gian tổ chức trình diễn là 1.440 phút được xác định trên cơ sở 03 ngày $\times$ 8 giờ/ngày $\times$ 60 phút/giờ và 10 người thực hiện trình diễn. Trường hợp tăng/giảm theo quy mô, định mức được tính theo bước số nhảy, mỗi 240 phút (01 buổi) và 02 người thực hiện trình diễn tăng/giảm thì tính 10% tổng định mức.

b) Đối với nội dung công việc tại số thứ tự 1 tính theo thực tế.

c) Công tác phí thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

d) Chi phí hỗ trợ trực tiếp cho nghệ nhân và người thực hành (bao gồm Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành tham gia tập luyện, trình diễn, tái hiện nghề thủ công truyền thống trong các chương trình, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa) được thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa và các quy định pháp luật có liên quan hiện hành.

đ) Định mức này chưa bao gồm: chi phí mua nguyên vật liệu; chi phí thuê địa điểm, mặt bằng; chi phí điện, nước, vệ sinh môi trường, an ninh, y tế; chi phí thuê trang thiết bị chuyên dụng phục vụ tổ chức và các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tổ chức trình diễn nghề thủ công truyền thống.

2.4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thi văn hóa ẩm thực truyền thống

a) Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng viên chức tham gia
I	Công tác chuẩn bị	
1	Khảo sát, thu thập thông tin, đánh giá điều kiện tổ chức làm cơ sở xây dựng kế hoạch và phương án tổ chức thi văn hóa ẩm thực truyền thống	Hạng IV, III, II và tương đương (tính theo thời gian thực tế).
2	Xây dựng, ban hành các văn bản phục vụ tổ chức, gồm: quyết định, kế hoạch tổ chức; quyết định thành lập các đoàn tham gia, Hội đồng nghệ thuật, Ban Giám khảo; xây dựng quy chế, thể lệ, cơ cấu giải thưởng; lập dự toán kinh phí và các văn bản liên quan	Hạng IV, III, II và tương đương.

3	Xây dựng nội dung, kịch bản thi; biên soạn thuyết minh, lời bình; lập danh mục nguyên vật liệu, vật tư, thực phẩm phục vụ thi văn hóa ẩm thực truyền thống...	Hạng IV, III, II và tương đương.
II	Công tác tổ chức thực hiện	
4	Tổ chức thực hành, chế biến, trang trí và trưng bày các món ẩm thực truyền thống của các đoàn tham gia	Hạng IV, III, II và tương đương.
5	Tổ chức hoạt động thi văn hóa ẩm thực truyền thống; điều hành, chấm thi và tổng hợp kết quả chấm thi	Hạng IV, III, II và tương đương.
III	Tổng kết và trao giải	
6	Đánh giá kết quả; tổng hợp báo cáo, nghiệm thu hoạt động thi văn hóa ẩm thực truyền thống	Hạng IV, III, II và tương đương.

b) Bảng định mức

ĐVT: 01 hoạt động thi văn hóa ẩm thực truyền thống

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Viên chức hạng III và tương đương	Công	7,125
	Viên chức hạng II và tương đương	Công	2,5
	Lao động gián tiếp	Công	1,44375
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
	Máy tính để bàn có kết nối internet	Ca	0,00527
	Máy tính xách tay có kết nối internet	Ca	0,00527
	Máy quay camera	Ca	0,00164
	Máy ảnh	Ca	0,00164
	Máy in laser A4	Ca	0,00527
3	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	67
	Mực in	Hộp	0,04467
	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

a) Định mức này áp dụng đối với 01 hoạt động thi văn hóa ẩm thực truyền thống có thời gian tổ chức thi độc lập hoặc trong khuôn khổ ngày hội, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch là 240 phút và 15 người tham gia thực hiện. Trường hợp tăng/giảm theo quy mô, định mức được tính theo bước số nhảy, mỗi 30 phút và 02 người tham gia thực hiện thi tăng/giảm thì tính 10% tổng định mức.

b) Đối với nội dung công việc tại số thứ tự 1 tính theo thực tế.

c) Công tác phí thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

d) Chi phí hỗ trợ trực tiếp cho nghệ nhân và người thực hành (bao gồm Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành tham gia tập luyện, trình diễn, thực hành văn hóa ẩm thực truyền thống trong các chương trình, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa) được thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa và các quy định pháp luật có liên quan hiện hành.

đ) Định mức này chưa bao gồm: chi phí mua nguyên vật liệu, thực phẩm phục vụ chế biến món ăn; chi phí thuê địa điểm, mặt bằng; chi phí điện, nước, vệ sinh môi trường, an ninh, y tế; chi phí thuê trang thiết bị chuyên dụng phục vụ chế biến, bảo quản, trưng bày ẩm thực và các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tổ chức hoạt động thi.

2.5. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức giới thiệu lễ hội, nghi thức truyền thống

a) Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng viên chức tham gia
I	Công tác chuẩn bị	
1	Khảo sát địa điểm tổ chức; làm việc với địa phương, cộng đồng; lựa chọn lễ hội, nghi thức truyền thống tiêu biểu để giới thiệu	Hạng IV, III, II và tương đương (tính theo thời gian thực tế)
2	Xây dựng kế hoạch tổ chức; quyết định thành lập các đoàn tham gia; Hội đồng nghệ thuật, Ban Giám khảo; xây dựng quy chế, thể lệ, cơ cấu giải thưởng; lập dự toán kinh phí và các văn bản liên quan; kịch bản giới thiệu, tái hiện lễ hội/nghi thức (trình tự nghi lễ, vai trò chủ thể, lời khấn, diễn giải); xác định không gian thực hành	Hạng IV, III, II và tương đương.
3	Lập danh sách chủ thể thực hành (tối đa 40 người); thống nhất thời gian, thời lượng giới thiệu (30 phút); phương án tập luyện, diễn giải	Hạng IV, III, II và tương đương.
4	Chuẩn bị không gian thực hành nghi lễ; đạo cụ, lễ vật, trang phục nghi lễ; bảng thuyết minh, biển giới thiệu	Hạng IV, III, II và tương đương.
5	Tổ chức tập luyện, tổng duyệt	Hạng IV, III, II và tương đương.

II	Công tác tổ chức thực hiện	
6	Tổ chức giới thiệu, tái hiện lễ hội, nghi thức truyền thống theo kịch bản được phê duyệt	Hạng IV, III, II và tương đương.
7	Thuyết minh, diễn giải ý nghĩa, trình tự, giá trị văn hóa - lịch sử; giao lưu với cộng đồng, khách tham quan	Hạng IV, III, II và tương đương.
III	Tổng kết và trao giải	
8	Đánh giá kết quả; tổng hợp báo cáo, nghiệm thu hoạt động giới thiệu lễ hội, nghi thức truyền thống	Hạng IV, III, II và tương đương.

b) Bảng định mức

ĐVT: 01 hoạt động giới thiệu lễ hội, nghi thức truyền thống

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Viên chức hạng III và tương đương	Công	1,0625
	Viên chức hạng II và tương đương	Công	2,5625
	Tập luyện, sơ duyệt, tổng duyệt, biểu diễn: Viên chức hạng IV, III, II và tương đương - Hạng IV: 2,25 công - Hạng III: 05 công - Hạng II: 03 công (4.920 phút/người x 40 người)		410
	Lao động gián tiếp	Công	62,04375
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
	Máy tính để bàn có kết nối internet	Ca	0,00760
	Máy tính xách tay có kết nối internet	Ca	0,00760
	Máy quay camera	Ca	0,00005
	Máy ảnh	Ca	0,00005
	Máy in laser A4	Ca	0,00760
3	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	72
	Mực in	Hộp	0,048
	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

a) Định mức này áp dụng đối với 01 hoạt động tổ chức giới thiệu lễ hội, nghi thức truyền thống được tổ chức độc lập hoặc trong khuôn khổ ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu, có thời gian tổ chức là 45 phút/nghi lễ, lễ hội/đoàn và 10 người thực hiện. Trường hợp tăng/giảm theo quy mô, định mức được tính theo bước số nhảy, mỗi 05 phút và 05 người thực hiện trình diễn tăng/giảm thì tính 10% tổng định mức.

b) Tổng thời gian tổ chức chuẩn bị không gian thực hành nghi lễ và tổ chức tập luyện, tổng duyệt là 4.920 phút, được xác định trên cơ sở 10,25 ngày $\times$ 8 giờ/ngày $\times$ 60 phút/giờ và tối đa là 40 người thực hiện trình diễn. Trường hợp tăng/giảm theo quy mô, định mức được tính theo bước số nhảy, mỗi 480 phút và 05 người thực hiện trình diễn thì tính tăng/giảm 5% tổng định mức.

c) Đối với nội dung công việc tại số thứ tự 1 tính theo thực tế.

d) Công tác phí thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

đ) Chi phí hỗ trợ trực tiếp cho nghệ nhân và người thực hành (bao gồm Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành tham gia tập luyện, trình diễn, tái hiện lễ hội, nghi thức truyền thống trong các chương trình, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa) được thực hiện theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa và các quy định pháp luật có liên quan hiện hành.

e) Định mức này chưa bao gồm: chi phí mua nguyên vật liệu; chi phí thuê địa điểm, mặt bằng; chi phí điện, nước, vệ sinh môi trường, an ninh, y tế; chi phí thuê trang thiết bị chuyên dụng phục vụ tổ chức và các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tổ chức giới thiệu lễ hội, nghi thức truyền thống.

2.6. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức không gian văn hóa trưng bày, triển lãm giới thiệu sản phẩm văn hóa đặc trưng, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; triển lãm đặc trưng văn hoá vùng, từng dân tộc

a) Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng tham gia
1	Khảo sát, làm việc với địa phương, đơn vị liên quan để lựa chọn sản phẩm, hiện vật, tư liệu; các sản phẩm đặc sản OCOP của địa phương tham gia trưng bày, triển lãm; lựa chọn nghệ nhân trình diễn tại triển lãm	Hạng IV, III, II và tương đương (tính theo thời gian thực tế)

2	Xây dựng, ban hành văn bản đề nghị phối hợp triển khai hoạt động trưng bày, triển lãm; xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình hoạt động; lập dự toán kinh phí và các văn bản liên quan	Hạng IV, III, II và tương đương.
3	Xây dựng nội dung trưng bày, triển lãm và tổ chức duyệt thiết kế maket không gian trưng bày	Hạng IV, III, II và tương đương.
4	Sưu tầm, làm việc với các cơ quan, đơn vị, địa phương để bố trí, tiếp nhận, hoàn trả hiện vật, công cụ, tư liệu, sản phẩm phục vụ trưng bày, triển lãm	Hạng IV, III, II và tương đương.
5	Tổ chức trưng bày, triển lãm theo chủ đề được phê duyệt	Hạng IV, III, II và tương đương.
6	Tổ chức triển khai, quản lý, điều hành hoạt động trưng bày, triển lãm	Hạng IV, III, II và tương đương.
7	Tổng hợp kết quả, trao giải, lập báo cáo tổng kết, nghiệm thu và hoàn thiện hồ sơ theo quy định	Hạng IV, III, II và tương đương.

b) Bảng định mức

DVT: 01 hoạt động

STT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Viên chức hạng III và tương đương	Công	20
	Viên chức hạng II và tương đương	Công	2
	Lao động gián tiếp	Công	3,3
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
	Máy tính để bàn có kết nối internet	Ca	0,01205
	Máy tính xách tay có kết nối internet	Ca	0,01205
	Máy quay camera	Ca	0,00027
	Máy ảnh	Ca	0,00027
	Máy in laser A4	Ca	0,01205
3	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	230
	Mực in	Hộp	0,15333
	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

a) Định mức này áp dụng đối với 01 hoạt động tổ chức không gian văn hóa trưng bày, triển lãm giới thiệu sản phẩm văn hóa đặc trưng, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; triển lãm đặc trưng văn hoá vùng, từng dân tộc có thời gian tổ chức là 1.920 phút (04 ngày). Trường hợp tăng/giảm theo quy mô, định mức được tính theo bước số nhảy, mỗi 240 phút (01 buổi) tổ chức tăng/giảm thì tính 10% tổng định mức.

b) Đối với nội dung công việc tại số thứ tự 1 tính theo thực tế.

c) Công tác phí thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

d) Định mức quy định tại Điều này chưa bao gồm các khoản chi sau đây: chi phí thuê địa điểm, mặt bằng tổ chức và các điều kiện bảo đảm phục vụ hoạt động trình diễn, thực hành tại không gian văn hóa trưng bày, triển lãm, gồm: điện, nước, thông tin liên lạc, an ninh, phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường, y tế và các dịch vụ liên quan; chi phí thuê xây dựng, biên soạn kịch bản; đạo diễn, trợ lý đạo diễn, người dẫn chương trình; phiên dịch; sản xuất, dựng clip minh họa; chi phí thiết kế, thi công không gian trưng bày; chi phí thuê trang thiết bị phục vụ trưng bày và biểu diễn như sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, màn hình LED và các thiết bị kỹ thuật liên quan; hệ thống tạo hiệu ứng kỹ thuật như máy phun khói, quạt điều hướng khói, hệ thống pháo điện; chi phí thuê, lắp dựng các hạng mục phục vụ trưng bày và tổ chức chương trình như nhà triển lãm, nhà bạt, khung định hình, giá trưng bày, khung tác phẩm, dù che, hoa tươi, bàn, ghế, bục phát biểu, thảm trải sàn; chi phí thiết kế, in ấn maket, pano, băng rôn, phong nền, vật tư, thiết bị trưng bày chuyên dụng và các chi phí cần thiết khác liên quan trực tiếp đến việc tổ chức hoạt động và các dịch vụ liên quan.

2.7. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức hội thảo khoa học; hội nghị, tọa đàm theo chủ đề của ngày hội giao lưu, liên hoan

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức hội thảo khoa học; hội nghị, tọa đàm theo chủ đề trong khuôn khổ các ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch là hoạt động mang tính chuyên môn, trao đổi học thuật, tổng kết thực tiễn, định hướng chính sách và lan tỏa giá trị văn hóa thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

2.8. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức hoạt động giao lưu, liên hoan văn hóa và thể thao

Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ tổ chức hoạt động giao lưu văn hóa được thực hiện theo định mức tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ tổ chức hoạt động giao lưu thể thao được thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức hoạt động thể thao do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức hoạt động thể thao quần chúng trong khuôn khổ ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức các hoạt động thể thao quần chúng trong khuôn khổ ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch được áp dụng trên cơ sở kế thừa, vận dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành thể dục, thể thao đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, cụ thể như sau:

a) Đối với hoạt động bảo tồn, phát triển và tổ chức thi đấu, trình diễn các môn thể thao dân tộc, thể thao truyền thống: Thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc.

b) Đối với hoạt động tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng tham gia tổ chức và hướng dẫn hoạt động thể thao quần chúng: Thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư số 15/2024/TT-BVHTTDL ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho công tác viên thể dục, thể thao và Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

c) Đối với hoạt động tổ chức các giải thi đấu thể thao quần chúng, giải thể thao phong trào trong nước và quốc tế do Việt Nam đăng cai: Thực hiện theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức các giải thi đấu thể thao trong nước và quốc tế do Việt Nam đăng cai và Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

d) Hệ số điều chỉnh định mức nhân công: trường hợp tổ chức các hoạt động thể thao quần chúng nêu trên trong khuôn khổ ngày hội, giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều

kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu, mức hao phí nhân công trong các định mức nêu trên được điều chỉnh bằng hệ số $k = 1,5$.

Việc áp dụng hệ số điều chỉnh nhằm phản ánh đầy đủ đặc thù tổ chức thực tế, bao gồm: yêu cầu huy động lực lượng phục vụ tổng hợp; điều kiện đi lại, ăn ở; thời gian chuẩn bị kéo dài; yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn và tổ chức đồng thời nhiều nội dung hoạt động trong cùng một không gian, thời gian.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức hoạt động du lịch trong khuôn khổ ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao, du lịch phục vụ đồng bào đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại xã đảo, đặc khu

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức các hoạt động du lịch trong khuôn khổ ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch được áp dụng trên cơ sở kế thừa, vận dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành du lịch và các quy định pháp luật có liên quan đang còn hiệu lực, cụ thể như sau:

1. Đối với hoạt động tổ chức nội dung thi, trình diễn và giao lưu kỹ năng du lịch bao gồm các nội dung: kỹ năng tiếp đón và chia tay khách; kỹ năng thuyết minh, giới thiệu điểm đến du lịch; hoạt động tìm hiểu, giới thiệu quy trình phục vụ khách tại các cơ sở lưu trú du lịch cộng đồng, homestay; tổ chức các cuộc thi về nghiệp vụ du lịch...

Việc tổ chức các nội dung thi, trình diễn và giao lưu kỹ năng nêu trên được thực hiện theo các định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ du lịch, tổ chức các cuộc thi về nghiệp vụ du lịch, kết hợp với các quy định liên quan đến tổ chức hoạt động văn hóa, trình diễn phục vụ du lịch do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

2. Đối với hoạt động giới thiệu, quảng bá, xúc tiến du lịch và xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù bao gồm các nội dung: tổ chức hoạt động giới thiệu, quảng bá, xúc tiến du lịch trong khuôn khổ ngày hội, giao lưu, liên hoan; xây dựng, hoàn thiện và giới thiệu các sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số; tổ chức famtrip, presstrip, tour khảo sát phục vụ công tác tuyên truyền, quảng bá và phát triển sản phẩm du lịch.

Việc tổ chức các hoạt động này thực hiện theo các định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ xúc tiến, quảng bá du lịch ở trong nước và ngoài nước; phát triển thương hiệu du lịch quốc gia và địa phương; tổ chức, tham gia các sự kiện du lịch quy mô liên vùng, quốc gia hoặc quy định nội dung thống nhất với các hoạt động xúc tiến du lịch do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và các văn bản theo quy định hiện hành.

Hệ số điều chỉnh định mức nhân công: trường hợp tổ chức các hoạt động du lịch quy định tại khoản 1 và khoản 2 Mục này trong khuôn khổ ngày hội giao lưu, liên hoan văn hóa, thể thao và du lịch, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, đặc khu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, mức hao phí nhân công trong các định mức áp dụng theo các văn bản hiện hành.

Việc áp dụng hệ số điều chỉnh nhằm phản ánh đặc thù tổ chức hoạt động du lịch mang tính tổng hợp, đa nội dung; yêu cầu huy động nhiều lực lượng tham gia; tăng khối lượng công việc khảo sát, hướng dẫn, trình diễn, bảo đảm an toàn cho khách và tổ chức đồng thời nhiều hoạt động trong cùng không gian, thời gian./.